TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 65/2020/QĐST-HNGĐ	*Huyện K, ngày 19 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 102/2020/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 02 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Anh Phạm Văn C, sinh năm 1969

Nơi cư trú: Thôn 1, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng.

Bị đơn: Chị Đặng Thị N, sinh năm 1972

Nơi cư trú: Thôn 1, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng.

Căn cứ vào các điều 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 54, 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 3 năm 2020,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 3 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Văn C và chị Đặng Thị N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn C và chị Đặng Thị N đều thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 02 con chung là Phạm Thanh T, sinh ngày 26 tháng 7 năm 2010 và Phạm Đức Đ, sinh ngày 09 tháng 5 năm 2012 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của

pháp luật. Anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị N mỗi tháng là 4.000.000đ (bốn triệu đồng), thời gian tính từ tháng 4 năm 2020 hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; 02 con chung là Phạm Thị T, sinh ngày 28 tháng 11 năm 1992 và Phạm Thị T1, sinh ngày 15 tháng 12 năm 2000 đã thành niên có khả năng lao động để nuôi mình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị N mà anh C chưa thi hành số tiền cấp dưỡng nuôi con thì phải trả lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh C nhận chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự về việc cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh C đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA.0012462 ngày 17 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Anh C đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã t, huyện K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đức Hoàng